

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VINH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/DS- PT
Ngày: 05/01/2023
V/v: *Tranh chấp đòi lại tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ánh Bình.

Các Thẩm phán: - Ông Nguyễn Văn Trường
- Bà Trần Thị Ngọc Dung

-Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Liễu, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân, tỉnh Vĩnh Long.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: ông Phan Thanh Hào - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2022/TLPT- DS ngày 18 tháng 11 năm 2022 về “*tranh chấp đòi lại tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2022/DSST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 300/2022/QĐXXPT- DS ngày 05 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: -Bà Lê Kim V, sinh 1948 (vắng mặt)

-Ông Đỗ Văn M, sinh 1945 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Mỹ Đ, xã Mỹ P, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Lê Kim V là ông Trần Hoàng T, sinh 1979. Địa chỉ: Phó Cơ Đ, Phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

-Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Đỗ Văn M là bà Đỗ Thị Tuyết Nh, sinh 1976.Địa chỉ: ấp Mỹ Đ, xã Mỹ P, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: anh Đỗ Xuân P, sinh 1978. Địa chỉ: ấp Mỹ Đ, xã Mỹ P, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.(có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Đỗ Xuân P là chị Lê Thị Ngọc Th, sinh 1984. Địa chỉ: ấp Mỹ T, xã Mỹ P, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

3. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan :

3.1. Chị Nguyễn Thị Bé S, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp Mỹ Đ, xã Mỹ P, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

3.2. Đỗ Thị Thùy N, sinh 1974. Địa chỉ: ấp Cái C, xã Mỹ P, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

3.3. Đỗ Thị Cẩm N, sinh 1970. Địa chỉ: tổ C, xã Tân Quý T, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3.4. Đỗ Thị Tuyết Nh, sinh 1976. Địa chỉ: ấp Mỹ Đ, xã Mỹ P, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Người kháng cáo: anh Đỗ Xuân P là bị đơn trong vụ án

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 11 năm 2020 nguyên đơn ông Đỗ Văn M và bà Lê Kim V trình bày:

Ông M và bà V là vợ chồng, là chủ sử dụng hợp pháp thửa đất số 217, tờ bản đồ số 02, diện tích 3.222,4m², tọa lạc tại ấp Mỹ Đ, xã Mỹ P, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, thửa đất này được ông M và bà V nhận chuyển nhượng trong thời kỳ hôn nhân. Ông M và bà V có 04 người con, gồm: Đỗ Thị Cẩm N, Đỗ Thị Thùy N, Đỗ Thị Tuyết Nh và Đỗ Xuân P.

Năm 2017, nhà nước thu hồi diện tích đất 1.346,1m² thuộc chiết thửa 217 để xây dựng Nhà văn hóa thể thao cụm Mỹ Đ- Cái C thuộc xã Mỹ P, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Ngày 02/6/2017 ông M ủy quyền cho anh P nhận tiền hỗ trợ, bồi hoàn do bị thu hồi diện tích đất nêu trên với số tiền là 771.161.810đ (bảy trăm bảy mươi một triệu một trăm sáu mươi một nghìn tám trăm mười đồng), thể hiện qua phiếu chi ngày 24/10/2017.

Sau khi nhận tiền, anh P sử dụng hết không giao trả lại cho ông M và bà V nên ông M, bà V khởi kiện yêu cầu anh P trả toàn bộ số tiền 771.161.810đ mà ông M đã ủy quyền cho anh P nhận.

Bị đơn Đỗ Xuân P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Bé S trình bày:

Anh P thừa nhận có nhận số tiền 771.161.810đ đúng như ông M và bà V trình bày. Nhưng đây là tiền bồi hoàn, hỗ trợ cho hộ gia đình ông M do bị thu hồi đất, thành viên trong hộ được hưởng số tiền trên gồm có: Ông M, bà V, anh P và vợ anh P là chị Nguyễn Thị Bé S. Mỗi người được hưởng số tiền 192.790.000 đồng. Phần của bà V 192.790.000 đồng giao chị Bé S trả nợ thay Đỗ Thị Thùy Nh là 150.000.000đ. Còn lại 42.790.000đ đưa bà V sử dụng dần dần hết. Phần của ông M đã cho anh P thông qua giấy ủy quyền 02/6/2017. Do vậy, anh P không đồng ý theo yêu cầu của ông M, bà V.

Ngày 25/3/2022, bị đơn Đỗ Xuân P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Bé S thay đổi toàn bộ lời khai và trình bày lại như sau:

Anh P có nhận số tiền 771.161.810đ đúng như ông M, bà V trình bày. Sau đó ông M, bà V đã chia cho bà V và ông M số tiền 325.000.000đ, chia anh

Ph 430.000.000đ. Việc chia anh P 430.000.000 đồng là xuất phát từ việc ông M, bà V thỏa thuận với anh P như sau: “Anh P cho Nhà nước thu hồi một phần đất thửa 194 để mở lối đi vào thửa đất 217 của ông M, thì Nhà nước mới thu hồi thửa đất 217 của ông M, để ông M có tiền trả nợ. Khi đó, ông M sẽ chia cho anh Ph 430.000.000đ từ số tiền ông M được nhận bồi hoàn, hỗ trợ đối với diện tích đất bị thu hồi của thửa 217. Từ đó anh P mới đồng ý cho Nhà nước thu hồi 180m² đất thuộc thửa 194 của anh P để làm lối đi vào thửa 217 của ông M với giá chỉ có 270.000đ/m². Trong số 325.000.000đ chia cho bà V, ông M, anh P sử dụng 150.000.000 đồng trả nợ thay cho chị Đỗ Thị Thuý N. Còn lại 175.000.000 đồng anh P đưa bà V tiêu xài dần dần hết. Chứng cứ chứng minh việc chia tiền là hai đoạn ghi âm, được lập vi bằng đã nộp cho Tòa án. Do vậy, anh P không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông M, bà V. Nhưng vì tình cảm gia đình anh P cho lại ông M và bà V 150.000.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đỗ Thị Thuý N và Đỗ Thị Cẩm N trình bày:

Thửa đất 217 do ông M và bà V nhận chuyển nhượng từ khi anh chị em còn nhỏ, các con không phụ tiền để nhận chuyển nhượng thửa đất 217. Anh P có nghĩa vụ trả lại số tiền nhận bồi hoàn thửa đất 217 cho ông M, bà V. Chị Thuý N xác định không nhờ anh P, chị Bé S vay mượn tiền của ai hết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 51/2022/DSST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đỗ Văn M và Lê Kim V.

Buộc anh Đỗ Xuân P trả ông Đỗ Văn M và bà Lê Kim V số tiền 771.161.810 đồng (bảy trăm bảy mươi một triệu tám trăm sáu mươi một nghìn tám trăm mười đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20/9/2022 anh Đỗ Xuân P kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm. Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Lê Thị Ngọc Th đại diện cho anh Đỗ Xuân P đồng ý trả lại cho ông Đỗ Văn M và bà Lê Kim V ½ số tiền đã nhận bồi thường là 385.580.905đ, vì anh P cho rằng trong tổng số tiền bồi thường thì gia đình anh có 04 người nên được hưởng ½ là phù hợp. Hơn nữa sau khi nhận tiền bồi thường về sử dụng chi xài trong gia đình thời gian đã 03 năm tiền đã hết không còn để trả cho các nguyên đơn.

Ông Trần Hoàng T và chị Đỗ Thị Tuyết N là người đại diện hợp pháp của ông M, bà V yêu cầu anh Đỗ Xuân P phải trả lại cho các nguyên đơn số tiền 600.000.000đ, còn lại 171.161.810đ đồng ý cho anh P.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng

dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Các đương sự có mặt thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Không chấp nhận đơn kháng cáo của anh P. Sửa án sơ thẩm theo hướng buộc anh P phải trả cho ông M, bà V số tiền bồi hoàn hỗ trợ là 600.000.000đ.

Về án phí dân sự phúc thẩm: do sửa án sơ thẩm anh P không phải chịu án phí phúc thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được tính lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]*Về thủ tục tố tụng*: ngày 09/9/2022 Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án, ngày 21/9/2022 anh Đỗ Xuân P kháng cáo là còn trong thời hạn và anh P nộp tạm ứng án phí đúng quy định nên kháng cáo được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]*Về nội dung*: Xét kháng cáo của anh Đỗ Xuân P;

Xét thấy: ông Đỗ Văn M là cha ruột của anh Đỗ Xuân P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 217, tờ bản đồ số 02, diện tích 3.222,4m² (đất ở 300m², đất trồng cây lâu năm 2922,4m²), tọa lạc tại ấp Mỹ Đ, xã Mỹ P, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long do ông M đứng tên hộ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/10/2015. Nguồn gốc đất do ông M và bà V nhận chuyển nhượng của ông Lá Văn T vào ngày 27/11/2001.

Ngày 31/8/2017, Ủy ban nhân dân huyện Mang Thít có quyết định thu hồi phần đất diện tích 1.346,1m² thuộc chiết thửa 217, tờ bản đồ số 02, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp Mỹ Đ, xã Mỹ P, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long của hộ ông Đỗ Văn M để thực hiện dự án xây dựng công trình nhà văn hóa thể thao cụm ấp Mỹ Đ - Cái C 1, xã Mỹ P, huyện Mang Thít. Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư huyện Mang Thít tiến hành chi trả tiền bồi thường cho ông Đỗ Văn M gồm: bồi thường về đất 325.890.810đ, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm 430.752.000đ, bồi thường về cây trồng 14.519.000đ, tổng cộng là 771.161.810đ.

Ngày 02/6/2017 ông M ủy quyền cho anh P nhận tiền bồi thường, ngày 24/10/2017 anh P nhận số tiền 711.161.810đ. Đến ngày 24/12/2020 bà V và ông M khởi kiện anh P yêu cầu trả lại toàn bộ số tiền 711.161.810đ.

Xét nguồn gốc thửa đất 217, tờ bản đồ số 02, diện tích 3.222,4m², tọa lạc tại ấp Mỹ Đ, xã Mỹ P, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long là do ông Đỗ Văn M

nhận chuyển nhượng vào năm 2001. Ngày 12/10/2015 ông M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ. Đất của ông M nên phân bồi thường về đất 325.890.810đ và bồi thường về cây trồng 14.519.000đ, số tiền này ông M, bà V được hưởng là phù hợp. Đối với tiền hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm 430.752.000đ, lúc này hộ ông M có 07 người gồm: Đỗ Văn M, Lê Kim V, Đỗ Thị Tuyết Nh Đỗ Xuân P, Nguyễn Thị Bé S, Đỗ Mỹ S và Đỗ Tiến Đ. Tuy nhiên Đỗ Thị Tuyết Nh thừa nhận hộ khẩu còn trong gia đình, nhưng chị Nh đã ở riêng từ năm 2000 cho đến nay. Như vậy còn lại 06 người trong hộ ông M.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 84 Luật đất đai 2013 quy định: “Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không có đất nông nghiệp để bồi thường thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền còn được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm”. Thời điểm bồi thường hộ ông M có 06 người nên số tiền hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm sẽ được chia cho 06 người trong hộ, cụ thể : $430.752.000đ : 6 \text{ người} = 71.792.000đ/\text{người}$. Ông M, bà V được hưởng 143.584.000đ. Anh P, chị Bé S và hai người con được hưởng 287.168.000đ. Sau khi nhận tiền về ông M, bà V không đòi anh P trả lại nên anh P đã sử dụng chi xài trong gia đình từ ngày nhận tiền 24/10/2017 đến tháng 12/2020 ông M khởi kiện anh P thời gian là 03 năm, do anh P là con trai út sống chung với ông M, bà V nên chi xài, sử dụng không có chứng từ đầy đủ, nhưng thực tế anh P, chị Bé S chứng minh được là dùng tiền một phần tiền để trị bệnh cho ông M (có hóa đơn chứng từ). Vì vậy chấp nhận cho anh P sử dụng trong thời gian 03 năm (2017-2020) với số tiền là 98.412.905đ, cộng với số tiền anh P, vợ và con anh P được hưởng 287.168.000đ, tương đương với số tiền mà anh P đồng ý trả cho nguyên đơn là 385.580.905đ.

Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đến quyền lợi của vợ chồng anh P mà chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh P phải trả lại cho ông M toàn bộ tiền bồi thường 711.161.810đ là chưa phù hợp, không đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng anh P. Vì vậy tại phiên tòa phúc thẩm anh P đồng ý trả lại cho ông M, bà V $\frac{1}{2}$ số tiền đã nhận là 385.580.905đ là có căn cứ, phù hợp nên được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Đỗ Xuân P, chấp nhận một phần quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 51/2022/DSST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

[3]Về án phí dân sự sơ thẩm: do sửa án sơ thẩm nên sửa lại phần án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc anh Đỗ Xuân P phải chịu 5% đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn là $385.580.905đ \times 5\% = 19.279.045đ$ (làm tròn 19.279.000đ).

Ông M và bà V phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận $385.580.905đ \times 5\% = 19.279.045đ$. Nhưng do ông M, bà V là người cao tuổi nên được miễn nộp theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Do sửa án sơ thẩm nên anh P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Đỗ Xuân P;

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 51/2022/DSST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít.

Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn M và bà Lê Kim V.

2. Buộc anh Đỗ Xuân P có nghĩa vụ hoàn trả ông Đỗ Văn M và bà Lê Kim V số tiền 385.580.905đ (ba trăm tám mươi lăm triệu năm trăm tám mươi nghìn chín trăm lẻ năm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: buộc anh Đỗ Xuân P phải chịu 19.279.000đ (mười chín triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

Miễn án phí cho ông M và bà V do người cao tuổi

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: anh Đỗ Xuân P không phải chịu án phí phúc thẩm.

Hoàn trả cho anh Đỗ Xuân P 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0007320 ngày 21/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6.Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp;
- TAND huyện Mang Thít;
- CC THADS huyện Mang Thít;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Thị Ánh Bình